

ỨNG DỤNG TƯ DUY PHÁT TRIỂN NHẪM CẢI THIỆN NĂNG LỰC THỤ ĐẮC NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Đỗ Thị Phong Lan¹, Trần Thị Xuân¹
Email: phonglan@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.994

Tóm tắt: Bài viết phân tích ảnh hưởng của Growth mindset (tư duy phát triển) đến quá trình học tiếng Trung Quốc của sinh viên Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội. Dựa vào nền tảng lý thuyết của Carol S. Dweck (2006) và các nghiên cứu trong giáo dục, bài viết chỉ ra sự khác biệt giữa sinh viên có tư duy phát triển (growth mindset) và sinh viên có tư duy cố định (fixed mindset), đồng thời làm rõ tác động tích cực của tư duy phát triển đối với quá trình học ngoại ngữ. Sinh viên với tư duy phát triển (growth mindset) có xu hướng duy trì động lực, khắc phục trở ngại và học hỏi được nhiều hơn thông qua quá trình cố gắng đều đặn. Căn cứ vào các dữ liệu phân, bài viết đưa ra một số gợi ý định hướng học tập dựa trên tư duy phát triển, như khuyến khích quá trình học hỏi từ sai lầm thay vì chỉ chú trọng vào kết quả, tạo môi trường học tập tiến bộ và sáng tạo. Những gợi ý này góp phần thúc đẩy đổi mới phương pháp học tập, tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên tin tưởng vào khả năng nỗ lực và vượt qua được những tư duy cố định, những rào cản của bản thân, đáp ứng yêu cầu của nền giáo dục đổi mới.

Từ khóa: Tư duy phát triển, tư duy cố định, học tiếng Trung Quốc, tư duy phát triển, bứt phá trong học tập, cách học tập Tiếng Trung quốc hiệu quả

I. Đặt vấn đề

Tư duy phát triển (Growth Mindset) là một khái niệm hiện đại trong Tâm lý học giáo dục do Giáo sư Carol S. Dweck (2006) đề xuất, đã tạo nên những chuyển biến rõ rệt trong giáo dục toàn cầu, đặc biệt rõ rệt

tại các nước phát triển như Mỹ, Phần Lan hay Singapore. Tuy nhiên, tại Việt Nam, tư duy này vẫn còn khá mới mẻ, chưa phổ biến trong môi trường đại học, và hầu như chưa được khai thác một cách bài bản trong đào tạo ngoại ngữ. Hơn hết, trong tình hình

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

giáo dục đại học hiện tại, đòi hỏi sinh viên không chỉ phải trang bị kiến thức chuyên môn, khả năng tự học, khả năng thích nghi với những khó khăn thử thách và tư duy linh hoạt, sáng tạo. Vì thế Tư duy phát triển trở thành một công cụ cần thiết thúc đẩy sinh viên tin tưởng vào khả năng nỗ lực của bản thân để vượt qua những rào cản, khó khăn trong quá trình học tập. Điều này thực sự cần thiết đối với sinh viên Khoa Tiếng Trung Quốc - Trường Đại học Mở Hà Nội, quá trình học một ngôn ngữ mới có độ khó cao như tiếng Trung Quốc đòi hỏi không chỉ kiến thức mà còn ý chí, sự kiên trì, và một thái độ, một tư duy tiếp cận học tập đúng đắn. Bài nghiên cứu này sẽ trả lời câu hỏi nghiên cứu: *Việc áp dụng Tư duy phát triển có ảnh hưởng như thế nào đến niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên Khoa Tiếng Trung Quốc - Trường Đại học Mở Hà Nội?*

II. Cơ sở lý luận

2.1. Tư duy cố định (Fixed mindset)

Theo Carol S. Dweck (2006), tư duy cố định phản ánh niềm tin rằng trí thông minh và phẩm chất cá nhân vốn có là bất biến, không thể thay đổi. Người mang tư duy này thường xem năng lực của bản thân là giới hạn đã được định sẵn, do đó khi gặp thử thách, cá nhân mang tư duy cố định dễ nản lòng, mất niềm tin vào chính mình và có xu hướng quy kết thất bại thành bằng chứng cho sự thiếu năng lực. Người mang tư duy cố định tin rằng những sai lầm hay rào cản chỉ cho thấy sự bất tài thay vì là cơ hội học tập.

Trong không gian học tập, đặc biệt là với sinh viên học ngoại ngữ như tiếng Trung Quốc, điều này thể hiện rất rõ. Ví dụ, một sinh viên nhận điểm C trong một học phần chuyên ngành có thể ngay lập tức cảm thấy bản thân kém cỏi, nghĩ rằng mình “không có năng khiếu học tiếng

Trung”, hoặc “mọi người đều học nhanh hơn mình”. Những suy nghĩ bi quan như vậy dễ dẫn đến sự tự ti, chán nản, thậm chí từ bỏ nỗ lực. Nói cách khác, sinh viên có Tư duy cố định thường coi điểm số học tập như thước đo trực tiếp để đánh giá năng lực và giá trị bản thân, từ đó vô tình kìm hãm tiềm năng của bản thân.

2.2. Tư duy phát triển (Growth mindset)

Ngược lại với quan điểm về Tư duy cố định, Tư duy phát triển xuất phát từ niềm tin rằng trí thông minh và kỹ năng có thể đạt được rèn luyện, cải thiện thông qua một hành trình rèn luyện đều đặn. Người có Tư duy phát triển không xem thất bại là sự phủ định năng lực, mà coi đó như một phần tất yếu trong hành trình học tập. Người có tư duy phát triển hiểu rằng mỗi sai lầm, mỗi rào cản đều mang đến cơ hội học hỏi và tích lũy kinh nghiệm để tiến bộ hơn.

Theo Carol S. Dweck (2006), những cá nhân có tư duy phát triển được khuyến khích đón nhận thử thách, đối diện với những bài toán khó thay vì né tránh. Người có tư duy phát triển không dễ dàng bỏ cuộc, mà luôn tìm cách khắc phục khuyết điểm, điều chỉnh chiến lược học tập và duy trì sự tập trung vào mục tiêu dài hạn. Chính nhờ đó, cá nhân có tư duy phát triển dần tạo ra những sự chuyển biến rõ rệt trong khả năng nhận thức và kết quả học tập. Với người học ngoại ngữ, Tư duy phát triển giúp người học giữ được động lực ngay cả khi điểm số chưa cao, từ đó kiên trì rèn luyện, tiếp thu ngôn ngữ và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp.

2.3. Điểm đối lập giữa lối nghĩ cố định và lối nghĩ phát triển

Như đã đề cập trong nội dung trước, hai kiểu tư duy mang lại những

định hướng khác nhau trong cách sinh viên nhìn nhận bản thân, đối diện với khó khăn và đánh giá thành công trong học tập. Tư duy cố định giới hạn sự phát triển khi cá nhân cho rằng năng lực bẩm sinh là nhân tố mang tính then chốt duy nhất, trong khi Tư duy phát triển khuyến khích việc coi nỗ lực và trải nghiệm là nền tảng để nâng cao kỹ năng. Đặc biệt trong bối cảnh học tập ngoại ngữ, sự khác biệt này càng rõ rệt: sinh viên với Tư duy cố định

thường dễ nản chí khi kết quả chưa đạt kỳ vọng, trong khi sinh viên với Tư duy phát triển xem thất bại là cơ hội để điều chỉnh phương pháp và tiếp tục tiến bộ. Chính vì vậy, việc phân tích sự khác biệt giữa hai tư duy này sẽ giúp chỉ ra rõ hơn cơ chế ảnh hưởng của tư duy đến quá trình sinh viên đánh giá và phát triển năng lực bản thân. Dưới đây là bảng so sánh thể hiện những điểm khác biệt cơ bản giữa tư duy cố định và tư duy phát triển:

Bảng 1. So sánh lối nghĩ Tư duy cố định và lối nghĩ Tư duy phát triển

Tư duy cố định	Tư duy phát triển
Năng lực trí óc được cho là bất biến, không cải thiện được	Trí tuệ, năng lực có thể cải thiện thông qua quá trình nỗ lực và sự kiên trì
Nỗ lực là bị đánh giá thấp, không được thông minh	Nỗ lực có thể tối ưu hóa
Nghĩ rằng việc học ngoại ngữ tốt phải có năng khiếu thiên bẩm	Có thể thành thạo ngoại ngữ bằng việc luyện tập nhiều giờ
Khó khăn, thất bại là dấu hiệu bản thân không đủ khả năng, thấy bản thân kém cỏi	Đó là tín hiệu rằng cần phải cải thiện chiến lược và chăm chỉ hơn nữa
Chỉ chú trọng thành tích cuối cùng hay sự hoàn hảo	Coi trọng vào quá trình và cảm thấy có ý nghĩa

Một số sinh viên với Tư duy cố định cho rằng chỉ vài bài kiểm tra hay điểm số thấp đã đủ để định nghĩa trí tuệ và giá trị của họ, coi sự hoàn hảo tức thời là thước đo quan trọng. Ngược lại, sinh viên có Tư duy phát triển nhìn nhận điểm số hay thất bại chỉ phản ánh năng lực ở một thời điểm nhất định, đồng thời xem đó là cơ hội để nỗ lực hơn và cải thiện trong tương lai. Người học có Tư duy phát triển luôn có niềm tin vào khả năng của bản thân, họ tin rằng những căn tính của mình hoàn toàn có thể phát triển. Niềm tin này không chỉ định hình cách họ tiếp cận việc học, khi họ đối diện với những khó khăn lớn trong việc học, mà còn liên quan mật thiết đến niềm tin vào năng lực bản thân (*self-efficacy*)- một khái niệm quan trọng trong lý thuyết học tập xã hội. Các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực học tập xã hội định nghĩa *self-efficacy* là cảm

giác tự tin của một người trong việc khi tiến hành những nhiệm vụ rõ ràng. Theo Bandura (1986), *self-efficacy* phản ánh sự đánh giá chủ quan của một cá nhân về khả năng tổ chức, kiểm soát bản thân và triển khai những bước đi cần có để hoàn thành mục tiêu. Điều đáng lưu ý là *self-efficacy* không phải đo lường trực tiếp kỹ năng sẵn có, mà thể hiện niềm tin của người học rằng họ có thể vận dụng các kỹ năng ấy vào thực tiễn. Các nghiên cứu cũng khẳng định, mức độ *self-efficacy* ảnh hưởng rõ rệt đến lựa chọn hoạt động, cường độ nỗ lực và khả năng kiên trì theo đuổi nhiệm vụ. Nhiều công trình trước đây đã đề cập, tiêu biểu như Bandura (1977-1989), Schunk (1989a, 1989b) và Zimmerman và cộng sự (1992). Bên cạnh đó, hàng loạt nghiên cứu thực tế đã chứng minh tư duy cầu tiến có mối quan hệ tích cực với động lực và kết quả học tập.

Blackwell và các cộng sự (2007) đã tiến hành hai công trình này hướng tới việc phân tích vai trò của niềm tin tiềm ẩn về trí tuệ đối với thành tích học tập môn Toán của học sinh trung học. Cụ thể, trong nghiên cứu thứ nhất, với 373 học sinh lớp 7, niềm tin rằng trí tuệ có thể phát triển. Kết quả cho thấy những học sinh có tư duy phát triển khẳng định mục tiêu học tập mạnh mẽ hơn, tin rằng sự chăm chỉ là cần thiết và hiệu quả, và ghi nhận mức độ thành công cao hơn so với các bạn cùng lứa có Tư duy cố định *“khẳng định mục tiêu học tập mạnh mẽ hơn và có nhiều khả năng tin rằng làm việc chăm chỉ là cần thiết và hiệu quả trong thành tích”*.

Trong cuốn Mindset, Carol S. Dweck cũng nhấn mạnh rằng người có Growth mindset tin trí thông minh có thể bồi đắp theo thời gian, từ đó hình thành tính kiên trì, tinh thần nỗ lực bền bỉ và khả năng vượt qua thất bại. Những kết quả này gợi mở rằng việc nuôi dưỡng Tư duy phát triển ở sinh viên không chỉ tăng cường self-efficacy mà còn khuyến khích họ dám thử thách giới hạn, coi sai lầm là cơ hội rèn luyện, đặc biệt hữu ích trong quá trình chinh phục một ngoại ngữ phức tạp điển hình như Tiếng Trung Quốc.

III. Phương pháp nghiên cứu

Từ tình hình thực tế khách quan và chủ quan nội tại của vấn đề ứng dụng các phương pháp học tập Tiếng Trung Quốc phù hợp của sinh viên Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội, bài viết nghiên cứu các giải pháp đề xuất nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của việc sử dụng phương pháp Tư duy phát triển (Growth Mindset) làm chất xúc tác nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên, từ đó phát huy tốt vai trò của hoạt động này.

Nghiên cứu này chủ yếu được thực hiện thông qua việc tiếp cận và khảo cứu các đánh giá khách quan đối với giải pháp áp dụng Tư duy phát triển (Growth Mindset) vào việc học tập nói chung. Từ đó, tác giả sẽ liên hệ đến vị trí, vai trò của con người - cụ thể là người học - từ đó đưa ra một số gợi mở cho các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam nói chung và của Trường Đại học Mở Hà Nội nói riêng.

IV. Kết quả và thảo luận về những thách thức và giải pháp tăng động lực học tiếng Trung Quốc thông qua Tư duy phát triển (Growth Mindset)

4.1. Những khó khăn phổ biến khi học tiếng Trung Quốc của sinh viên

Tiếng Trung Quốc là một ngôn ngữ thú vị, nó thường là ngoại ngữ thứ hai của người học (CSL/CFL). Phần lớn người học bắt đầu học tiếng Trung Quốc với sự hứng thú, tuy nhiên, số lượng lớn các ký tự Hán và sự thiếu tương ứng giữa hình vị và âm vị làm cho ngôn ngữ này thuộc nhóm khó tiếp cận hàng đầu, nhất là với người đang ngôn ngữ mẹ đẻ thuộc hệ chữ cái Latin (Grenfell & Harris, 2015; Shen & Xu, 2015). Người học CSL/CFL phải học cách phát âm các ký tự Hán rồi ghép chúng với nghĩa, dẫn đến tiến bộ chậm hơn và đòi hỏi nhiều nỗ lực cũng như năng lực hơn từ phía người học. Việc gặp khó khăn và cảm thấy thiếu thành tựu được xem là nguyên nhân dẫn đến động lực giảm sút và tỷ lệ bỏ học cao. Ví dụ, tại Úc, hơn 90% người học ngừng học tiếng Trung Quốc sau cấp độ sơ cấp, và hiện tượng này cũng hiện diện tại nhiều nước trên thế giới (Du & Kirkebaek, 2012; Orton, 2016). Những phát hiện trong nghiên cứu này cũng cho thấy một sự tương quan đối với các sinh viên Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường

Đại học Mở Hà Nội. Nhiều sinh viên bắt đầu việc học tiếng Trung Quốc với sự hào hứng và yêu thích nhưng chỉ sau khi tiến lên mức độ trung cấp, khối lượng chữ Hán, những môn dịch chuyên ngành có thể khiến họ cảm thấy áp lực hơn và ít sự hào hứng hơn so với giai đoạn ban đầu.

Một khảo sát của Lưu Hón Vũ tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho thấy tồn tại mối tương quan nghịch giữa lo âu học tập và kết quả học tập tiếng Trung ($r = -0.210$, $p < 0.05$). Cụ thể, sinh viên có mức độ lo lắng cao thường đạt kết quả thấp hơn, trong khi những người ít lo lắng lại có thành tích cao hơn. Phát hiện này nhất quán với các nghiên cứu trước đây. (Horwitz, Horwitz, & Cope, 1986; 钱旭菁, 1999; 张莉 & 王飙, 2002; 施仁娟, 2005), đồng thời khẳng định lại nhận định của Macintyre & Gregersen (2012) rằng “mức độ lo lắng cao và thành tích thấp có quan hệ mật thiết với nhau”. Điều này gợi mở rằng, việc quá chú trọng điểm số và kỳ vọng thành tích có thể làm giảm sự tin tưởng vào khả năng bản thân, từ đó cản trở sự phát triển bền vững trong học tập ngôn ngữ. Ngược lại, những sinh viên duy trì được Tư duy phát triển (*growth mindset*) thường ít bị chi phối bởi lo lắng, họ không để kết quả thi cử ảnh hưởng và định nghĩa giá trị năng lực của họ, từ đó giúp họ đạt kết quả học tập cao hơn và bền vững hơn (Dweck, 2006).

Người học có Tư duy phát triển (*growth mindset*) sẽ coi những khó khăn và thử thách khi học tiếng Trung Quốc là bài tập để họ có thể học hỏi được nhiều hơn, đối với họ, cảm giác lo lắng hay tự ti vì cho rằng bản thân “niềm tin rằng năng lực ngoại ngữ là cố định” chỉ làm chậm lại quá trình tiến bộ. Họ tin rằng những

rào cản học tiếng Trung Quốc sẽ được phá bỏ nếu họ thay đổi phương pháp học và đầu tư nhiều thời gian và công sức hơn với nó. Điều này trái ngược với người học có Tư duy cố định (*fixed mindset*), nhóm người học có tư duy này tin rằng khả năng học ngoại ngữ là có giới hạn và sẽ không thay đổi dù họ có nỗ lực. Do đó, việc hình thành và nuôi dưỡng Tư duy phát triển trong quá trình học tiếng Trung Quốc trở thành một hướng tiếp cận quan trọng, góp phần giảm áp lực tâm lý, củng cố sự tự tin trong khả năng cá nhân, đồng thời hình thành cơ sở cho tiến trình học tập ổn định và hiệu quả dài lâu.

4.2. Vai trò của tư duy phát triển trong việc vượt qua khó khăn

Carol S. Dweck (2006) nhấn mạnh rằng, trong nhiều trường hợp, sự kiên trì không ngừng của những người có Tư duy phát triển có thể giúp họ đạt được những thành tựu tưởng chừng như không thể. Tất nhiên, ngay cả nhóm người học này gần như không thể né tránh cảm giác khó chịu khi đối diện với thất bại. Tuy nhiên, thất bại không phải là chuẩn mực duy nhất để đánh giá năng lực của sinh viên, mà chỉ là một thử thách cần vượt qua trong quá trình rèn luyện. Chính việc xem lỗi lầm như điều đương nhiên và khai thác chúng để điều chỉnh, cải thiện kỹ năng mới là nhân tố làm nên sự đặc trưng. Do đó, việc nuôi dưỡng Tư duy phát triển trở thành điều đặc biệt có ý nghĩa lớn với sinh viên, nhất là những người theo học ngoại ngữ. Trong bối cảnh giáo dục hiện nay, khi trí thông minh thường được đề cao, thì sự kết hợp giữa Tư duy phát triển và phương pháp nỗ lực đúng hướng đóng vai trò không kém phần quan trọng trong việc quyết định thành công học tập.

Trong bối cảnh việc học tiếng Trung Quốc, sinh viên phải đối diện với nhiều thử thách với lượng ký tự chữ Hán khổng lồ, áp lực cạnh tranh ngành học, thi cử. Sinh viên có Growth Mindset sẽ coi những thử thách đó là một phần tất yếu của quá trình học. Thậm chí, họ còn cảm thấy hào hứng khi các kỹ năng của mình ngày càng được gia tăng và tiến bộ thông qua việc hoàn thành từng bước các thử thách. Những sinh viên này sẽ không ngừng tìm tòi và thử các phương pháp học mới và họ biết họ cần dành nhiều thời gian, công sức và nỗ lực hơn để đạt được kết quả khả quan hơn nữa. Trái lại, sinh viên với Fixed Mindset dễ rơi vào tình trạng lo âu, nghi ngờ năng lực bản thân và thậm chí bỏ cuộc (Orton, 2016).

Việc chuyển đổi môi trường học tập từ phổ thông sang bậc đại học là một quá trình đầy trở ngại, đây được coi là một giai đoạn nhạy cảm với nhiều sinh viên. Việc học tập trở nên tự do hơn nhưng cũng kéo theo nhiều sức ép mới: hệ thống kiểm tra - đánh giá khắt khe và nhiều quy trình; sự quan tâm của giảng viên giảm dần do số lượng sinh viên trong lớp học khá đông, trong khi sinh viên phải đồng thời thích nghi với những sự biến đổi về cảm xúc và thể chất khi bước sang giai đoạn trưởng thành. Hệ quả là điểm số thường có xu hướng giảm, cộng thêm áp lực so sánh đồng trang lứa khiến nhiều sinh viên đầu tư ít nỗ lực hơn cho việc học. Thay vào đó, họ dễ bị cuốn vào mạng xã hội, dành nhiều giờ cho các ứng dụng xã hội như Facebook, TikTok, Instagram hay các

video ngắn, dẫn đến suy giảm khả năng tập trung. Theo số liệu trong báo cáo từ Tổ chức Lao động Quốc tế (2024)², có tới gần một nửa người trẻ chưa trang bị đủ kỹ năng cơ bản để đáp ứng công việc. Tuy vậy, mỗi ngày họ vẫn dành trung bình 4 - 5 giờ cho các nền tảng mạng xã hội, dẫn đến tình trạng lãng phí thời gian vào những hoạt động ít giá trị ứng dụng. Thậm chí, Oxford Languages đã lựa chọn “Brain rot” (tạm dịch: “thối não” - sự suy giảm khả năng tập trung, tư duy và trí tuệ) làm *Từ của năm 2024* (Word of the Year 2024)³, như một lời cảnh báo về sự thu hẹp tư duy và khả năng tập trung vì tiếp nhận quá mức các nội dung vô ích từ mạng xã hội.

Nghiện mạng xã hội còn ảnh hưởng tiêu cực đến các năng lực tư duy cốt lõi như: lập kế hoạch, tổ chức, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Đồng thời, nó làm méo mó nhận thức bản thân, khiến sinh viên mất dần sự kết nối với thực tại. Trước làn sóng phát triển nhanh chóng của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, sinh viên phải đối diện với nhiều cám dỗ mới, đặc biệt với người mang Tư duy cố định thường dễ y lại, đánh mất sự tin tưởng vào bản thân, phụ thuộc vào công nghệ và dần thiếu cảm hứng học tập. Họ cho rằng chỉ những người “có sẵn” sự kỷ luật và chăm chỉ mới có thể đạt được thành tựu, từ đó tạo ra áp lực tâm lý nặng nề và kết quả học tập giảm sút. Sinh viên mang Tư duy cố định thường có xu hướng chịu áp lực tâm lý lớn hơn, họ dễ rơi vào cảm giác bất lực, mất động lực và từ đó kết quả học tập ngày càng suy giảm. Trái lại, sinh viên có

² Trích nguồn từ Báo cáo “*Triển vọng việc làm và xã hội thế giới - Xu hướng 2024*” của ILO: https://www.ilo.org/sites/default/files/wcmsp5/groups/public/@asia/@ro-bangkok/@ilo-hanoi/documents/publication/wcms_910645.pdf

³ Trích nguồn từ trang chủ của Nhà xuất bản Đại học Oxford (Oxford University Press): <https://corp.oup.com/news/brain-rot-named-oxford-word-of-the-year-2024/>

Tư duy phát triển lại nhìn nhận quá trình học tập dưới cả hai góc độ: thách thức và cơ hội. Dù thừa nhận rằng việc học luôn chứa đựng nhiều khó khăn, họ không coi thất bại là sự khẳng định năng lực hạn chế của bản thân mà là tín hiệu cần thay đổi phương pháp. Chính vì thế, nhóm sinh viên này thường chủ động tìm kiếm giải pháp, kiên trì điều chỉnh cách học và biết cách tránh xa những yếu tố gây xao nhãng, từ đó duy trì sự tiến bộ ổn định hơn.

Bên cạnh đó, Tư duy phát triển khiến sinh viên có khả năng phục hồi tốt hơn, coi thử thách là có thể vượt qua, và tránh được sự suy sụp tinh thần khi gặp thất bại. Theo Dweck (2006), những người có Growth Mindset tin rằng trí tuệ và năng lực có thể cải thiện thông qua nỗ lực, chiến lược phù hợp và sự kiên trì. Chính niềm tin này giúp sinh viên vượt qua cảm giác thất bại ban đầu, biến áp lực thành động lực. Một nghiên cứu của Yeager & Dweck (2012) cũng chỉ ra rằng sinh viên có Growth Mindset ít bị ảnh hưởng tiêu cực bởi thất bại và có xu hướng đạt thành tích học tập vượt trội hơn. Như vậy, Growth Mindset không chỉ giúp sinh viên vượt lên những giới hạn tâm lý và những áp lực học ngôn ngữ mà còn duy trì niềm tin vào năng lực bản thân, cho phép sinh viên học hỏi nhanh hơn thất bại mà không hề phán xét. Từ đó đạt được sự tiến bộ bền vững trong quá trình học ngoại ngữ như tiếng Trung Quốc.

4.3. Những cách rèn luyện tư duy phát triển trong việc học tiếng Trung Quốc

Đầu tiên, để rèn luyện tư duy này, trước hết sinh viên phải tin tưởng rằng mọi căn tính đều có thể thay đổi và phát triển và học tiếng Trung cũng đặt ra yêu cầu tương tự. Sinh viên phải tin rằng thông qua nỗ lực của bản thân, trình độ tiếng Trung Quốc của họ sẽ tốt lên theo

thời gian. Bên cạnh nỗ lực tự thân thì môi trường có Tư duy phát triển cũng rất quan trọng, trong đó thầy cô chính là người dẫn dắt, tạo điều kiện để sinh viên mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và ý tưởng của mình mà không lo ngại bị phán xét.

a. Đối với bản thân người học

Nắm bắt sức mạnh của từ “chưa” trong việc học tiếng Trung: Khi đối diện với những khó khăn trong việc phát âm, ghi nhớ chữ Hán hay hiểu ngữ pháp phức tạp, người học nên tập thói quen thêm từ “chưa” vào nhận thức của mình. Thay vì nói “Tôi không thể phát âm chuẩn thanh điệu tiếng Trung”, hãy thay bằng “Tôi *chưa* phát âm chuẩn”. Sự thay đổi nhỏ trong cách diễn đạt này giúp người học ghi nhận giới hạn hiện tại mà không phủ định năng lực của bản thân, đồng thời mở ra niềm tin rằng khả năng sẽ được cải thiện thông qua rèn luyện. Việc điều chỉnh ngôn ngữ tự thoại theo hướng tích cực chính là bước đầu tiên trong việc hình thành Tư duy phát triển.

Ăn mừng nỗ lực, không chỉ kết quả: Trong quá trình học tiếng trung, hãy tập trung khen ngợi sự cố gắng, cống hiến nho nhỏ mà bản thân đã bỏ ra, để thúc đẩy sự nỗ lực nhiều hơn nữa để đối mặt với thử thách dù kết quả có ra sao. Mỗi tiến bộ nhỏ - như phát âm đúng hơn, ghi nhớ thêm vài chữ Hán hay hiểu được một đoạn hội thoại mới - đều đáng được ghi nhận. Người học có thể tự thưởng cho bản thân bằng những hoạt động yêu thích như xem một tập phim Trung Quốc hay thưởng thức món ăn yêu thích sau mỗi giai đoạn học tập hiệu quả. Việc tự khen ngợi những nỗ lực hằng ngày giúp người học củng cố động lực nội tại, tạo phản hồi tích cực trong não bộ thông qua sự tiết dopamine, từ đó gia tăng sự hứng thú và động lực

giúp người học tiếp tục duy trì trạng thái học tập hiệu quả. Trái lại, việc chỉ khen thưởng dựa trên kết quả hay năng khiếu bẩm sinh có thể khiến người học dễ nản chí khi gặp thất bại.

Nắm bắt thử thách, coi mỗi thử thách là cơ hội học hỏi: Người học cần chủ động cho phép bản thân thử sức với những trải nghiệm mới, dù ban đầu có thể cảm thấy vượt ngoài khả năng. Cụ thể, sinh viên học tiếng Trung có thể tham gia các cuộc thi học thuật, thi lồng tiếng, tranh biện hoặc nghiên cứu khoa học bằng tiếng Trung. Đây không chỉ là cơ hội để mở rộng và rèn luyện năng lực ngôn ngữ, mà còn giúp người học phát triển nhiều kỹ năng bổ trợ như giao tiếp, thuyết trình và quản lý thời gian. Việc đối mặt với thử thách và chấp nhận khả năng thất bại sẽ giúp người học hình thành tư duy cởi mở, coi sai lầm là một phần tất yếu của quá trình học tập, từ đó không ngừng hoàn thiện và tiến bộ hơn.

Coi những áp lực đồng trang lứa thành động lực: Trong quá trình học tiếng Trung Quốc, việc so sánh bản thân với bạn bè giỏi hơn là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, thay vì để những thành tích của người khác tạo ra cảm giác tự ti hay lo lắng, người học nên học cách chuyển hóa áp lực đó thành động lực cho sự tiến bộ cá nhân. Chẳng hạn, khi thấy bạn học đạt điểm cao trong kỳ thi HSK hoặc có khả năng giao tiếp lưu loát, người học có thể quan sát phương pháp học của họ, trao đổi kinh nghiệm, cùng luyện tập phát âm hoặc đối thoại bằng tiếng Trung. Việc hợp tác và học hỏi từ bạn bè không chỉ giúp mở rộng góc nhìn học tập mà còn tạo môi trường thi đua tích cực, khuyến khích sự nỗ lực bền bỉ. Đồng thời, cá nhân người học cũng nên tự đặt ra mục tiêu cụ thể

phù hợp với năng lực của bản thân. Việc theo dõi tiến trình học của chính mình - ví dụ như ghi chép lại số lượng từ vựng học được mỗi tuần, thời gian luyện nghe hay tần suất giao tiếp bằng tiếng Trung - giúp người học có cảm giác thành tựu, từ đó càng có động lực để tiếp tục nỗ lực nhiều hơn để đạt được những mục tiêu cao hơn trong quá trình học ngôn ngữ.

Tin mình có thể thay đổi: Trong quá trình học tiếng Trung, người học cần nhận thức rằng năng lực ngôn ngữ không phải là cố định mà hoàn toàn có thể rèn luyện được. Khi tin vào khả năng phát triển của chính mình, sẽ chủ động luyện phát âm, mở rộng vốn từ mỗi ngày và kiên trì sửa lỗi trong giao tiếp. Niềm tin này giúp duy trì động lực, cảm nhận rõ sự tiến bộ qua từng giai đoạn và biến việc học tiếng Trung thành hành trình phát triển bền vững.

b. Môi trường giáo dục

Bên cạnh sự nỗ lực và rèn luyện cá nhân, môi trường học tập đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển tư duy phát triển ở sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn cần xây dựng bầu không khí học tập cởi mở, khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi, bày tỏ quan điểm và thử nghiệm ý tưởng bằng tiếng Trung Quốc mà không lo bị phán xét. Điều này góp phần nuôi dưỡng sự sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong học tập.

Ngoài giờ học chính khóa, việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thư pháp, trà đạo Trung Hoa, tọa đàm và giao lưu văn hóa bằng tiếng Trung Quốc giúp người học mở rộng hiểu biết, tăng khả năng ứng dụng ngôn ngữ trong bối cảnh thực tế. Các hội thảo học thuật,

cuộc thi văn nghệ hoặc dự án nhóm cũng là cơ hội rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, hợp tác và giải quyết vấn đề.

Đặc biệt, chương trình giảng dạy cần được thiết kế theo hướng khuyến khích học tập chủ động và sáng tạo, thông qua các hình thức như trò chơi ngôn ngữ, đóng kịch hoặc thảo luận nhóm, thay vì chỉ đánh giá bằng điểm số cuối kỳ. Một môi trường học tập an toàn, tích cực sẽ giúp sinh viên thêm tự tin, nuôi dưỡng niềm yêu thích tiếng Trung Quốc và duy trì động lực học tập bền vững.

c. Đối với tập thể người học/bạn bè

Việc xây dựng môi trường mà sinh viên tiếng Trung cùng chia sẻ mục tiêu, hỗ trợ và khích lệ lẫn nhau đóng vai trò lớn trong việc hình thành tư duy phát triển. Khi tham gia nhóm học, câu lạc bộ luyện nói hay dự án học thuật, sinh viên được rèn luyện kỹ năng hợp tác, phản hồi tích cực và học hỏi qua trải nghiệm thực tế.

Sự động viên và đồng hành từ bạn bè giúp giảm cảm giác tự ti, tạo nền tảng tâm lý vững chắc để người học vượt qua khó khăn trong quá trình trau dồi ngôn ngữ. Thay vì coi bạn bè là đối thủ cạnh tranh, sinh viên nên xem họ là nguồn cảm hứng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc chinh phục tiếng Trung.

V. Kết luận

Việc học luôn là một hành trình đầy gian nan, đặc biệt đối với sinh viên học ngoại ngữ như tiếng Trung Quốc. Do đó, việc hình thành và duy trì Tư duy phát triển đòi hỏi nhiều nỗ lực liên tục, không chỉ từ bản thân sinh viên mà còn từ môi trường xung quanh, trong đó thầy cô chính là người dẫn dắt quan trọng. Tư duy phát triển không chỉ giúp sinh viên duy trì niềm tin vào khả năng của bản thân mà còn khơi

gợi tinh thần tự học, sự kiên trì và ý chí vượt khó, điều này thúc đẩy sự chủ động tìm tòi và dám thử nghiệm những điều mới trong quá trình học. Người học có Tư duy phát triển không chỉ nâng cao hiệu quả học ngôn ngữ mà còn góp phần bồi đắp kỹ năng, thái độ học tập tích cực cho các lĩnh vực khác trong cuộc sống.

Qua phân tích và nghiên cứu của bài viết, có thể khẳng định rằng *Tư duy phát triển (Growth Mindset)* giữ vị trí quan trọng trong việc phát triển năng lực học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên Khoa tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội. Giữa xu thế giáo dục đổi mới hiện nay, để kịp thích nghi với bối cảnh thay đổi và phát triển công nghệ không ngừng, việc nuôi dưỡng Tư duy phát triển trở nên đặc biệt quan trọng. Tư duy này không chỉ thay đổi cách sinh viên nhìn nhận về việc học tiếng Hán hiện đại, mà còn giúp họ rèn luyện tính chủ động, khả năng thích nghi trước khó khăn, và ý chí theo đuổi mục tiêu học tập dài hạn. Điều này được xem là nền tảng để sinh viên không ngừng tiến bộ, qua đó cải thiện hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ và tạo giá trị cho sự thành công của cả người học lẫn cơ sở đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bandura, A. (1977). *Self-efficacy: Toward a unifying theory of behavioral change*. *Psychological Review*, 84(2), 191-215.
- [2]. Bandura, A. (1986). *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- [3]. Blackwell, L., Trzesniewski, K., & Dweck, C. S. (2007). Implicit theories of intelligence predict achievement across an adolescent transition: A longitudinal study and an intervention. *Child Development*, 78(1), 246-263.

- [4]. Du, X., & Kirkebæk, M. J. (Eds.). (2012). *Exploring task-based PBL in Chinese teaching and learning*. Newcastle upon Tyne: Cambridge Scholars Publishing.
- [5]. Dweck, C. S. (2006). *Mindset: The new psychology of success*. Random House.
- [6]. Grenfell, M., & Harris, V. (2015). *Memorisation strategies and the adolescent learner of Mandarin Chinese as a foreign language*.
- [7]. Horwitz, E. K., Horwitz, M. B., & Cope, J. (1986). Foreign language classroom anxiety. *The Modern Language Journal*, 70(2), 125-132.
- [8]. Lam, S. S. M., Cheng, M. W. T., & Wong, J. S. Y. (n.d.). *Motivation of learning Chinese as an international language: A review of theories and research findings*. The Education University of Hong Kong.
- [9]. Lư, H. V. (n.d.). *Lo lắng trong học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc*. Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- [10]. MacIntyre, P. D., & Gregersen, T. (2012). Emotions that facilitate language learning: The positive-broadening power of the imagination. *Studies in Second Language Learning and Teaching*, 2(2), 193-213.
- [11]. Nguyễn, V. T., & Phan, N. Đ. T. (n.d.). *Mối quan hệ giữa niềm tin vào năng lực bản thân và năng lực tự học của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*.
- [12]. Orton, J. (2016). *Building Chinese language capacity in Australia*. The University of Melbourne, Australia.
- [13]. Schunk, D. H. (1989a). Self-efficacy and achievement behaviors. *Educational Psychology Review*, 1(3), 173-208.
- [14]. Shen, H. H. (2005). An investigation of Chinese-character learning strategies among non-native speakers of Chinese. *System*, 33(1), 49-68.
- [15]. Yeager, D. S., & Dweck, C. S. (2012). Mindsets that promote resilience: When students believe that personal characteristics can be developed. *Educational Psychologist*, 47(4), 302-314.
- [16]. Zimmerman, B. J., Bandura, A., & Martinez-Pons, M. (1992). Self-motivation for academic attainment: The role of self-efficacy beliefs and personal goal-setting. *American Educational Research Journal*, 29(3), 663-676.
- [17]. 钱旭菁. (1999). 外语学习焦虑与大学英语学习的关系. 外语教学与研究 [*Foreign Language Teaching and Research*], (1), 61-66.
- [18]. 张莉, & 王颀. (2002). 外语学习焦虑与外语成绩的相关性研究. 现代外语 [*Modern Foreign Languages*], 25(1), 75-81.
- [19]. 施仁娟. (2005). 大学英语学习者外语学习焦虑调查与分析. 外语界 [*Foreign Language World*], (3), 45-52.

APPLYING GROWTH MINDSET APPROACH TO IMPROVE STUDENTS' CAPACITY IN ACQUIRING THE CHINESE LANGUAGE AT THE FACULTY OF CHINESE, HANOI OPEN UNIVERSITY

Do Thi Phong Lan¹, Tran Thi Xuan¹

Abstract: *The article analyzes the influence of the Growth mindset on the learning process of Chinese students of the Faculty of Chinese Language, Hanoi Open University. Drawing on the theoretical foundation of Carol S. Dweck (2006) and educational studies, the paper highlights the differences between students with a growth mindset and those with a fixed mindset and clarifies the positive impact of a growth mindset on the process of learning a foreign language. Students with a growth mindset tend to stay motivated, overcome obstacles, and learn more through consistent effort. Based on the analytical data, the article offers some suggestions for a learning orientation grounded in a growth mindset, such as encouraging learning from mistakes rather than focusing solely on results and creating a progressive, creative learning environment. These suggestions promote the innovation of learning methods, empowering students to believe in their ability to strive and overcome their own fixed mindsets and barriers, and to meet the requirements of innovative education.*

Keywords: *Growth mindset, fixed mindset, learning Chinese, breakthrough in learning, how to learn Chinese effectively*

¹ Hanoi Open University